

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-06-2023
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Mai Đức Danh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phùng Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023, tại hội trường xét xử TAND Thị xã Nghi Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2023 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L - Sinh năm: 1957

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:** Ông Trần Trung Th - Sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Cả hai bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải bà Hoàng Thị L trình bày:**

Bà L và ông Th tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (Nay là thị xã N) vào khoảng tháng 01 năm 1980. Do thời gian đã lâu nên giấy tờ về việc đăng ký kết hôn đã bị mất. UBND xã H cũng không còn lưu nên không có căn cứ để xác nhận ông, bà có đăng ký kết hôn. Đến ngày 01/02/2023, ông, bà đã đến tại UBND xã H để đăng ký kết hôn lại.

Sau khi cưới, ông, bà sống hạnh phúc đến đầu năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau,

không có tình cảm với nhau nên thuận vẫn thường xuyên xảy ra. Ông Th hay chửi bới, đánh đập bà thậm tệ. Bà đã cố gắng chịu đựng vì con cái, đến nay, các con bà đã trưởng Th, có công việc và xây dựng gia đình ổn định. Ông Th vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, không thể chịu đựng thêm được nữa nên từ tháng 02/2023, bà đã thuê nhà trọ để ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, ai lo phận người đó. Ngày 15/02/2023, bà đã làm đơn đến Tòa án để đề nghị giải quyết ly hôn. Được sự hòa giải của Tòa án, ông Th xin lỗi và hứa sửa chữa nên bà đã rút đơn để đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Ông Th vẫn thường xuyên tìm bà để đe dọa, chửi bới, bà không dám về nhà mà vẫn thuê nhà trọ để ở. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn với ông Th .

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Trần Trung Th trình bày:**

Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà L khai là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Do ông nghỉ việc ở nhà, còn bà L đi làm ở nhà hàng, có quan hệ bất chính nên ông có chửi mắng bà Luật, còn ông không đánh bà mà chỉ đập phá bát đĩa, cốc chén. Bà L bỏ đi và ở với người khác, vì thế mà ông mới theo dõi. Nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, ông thấy sai nên đã xin lỗi nhưng bà L vẫn không về nhà. Bản thân ông thấy mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc nhau lúc tuổi già.

2. Về con chung: Cả bà L và ông Th đều thống nhất trình bày: Vợ chồng có 04 con chung là:

Trần Thị H – Sinh ngày 19/5/1983;

Trần Văn T – Sinh ngày 20/5/1985;

Trần Thị H1 – Sinh ngày 06/9/1987;

Trần Văn Tr – Sinh ngày 30/12/1988.

Các cháu đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản: Cả bà L và ông Th đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp Luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc chồng áp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị L và bị đơn là Trần Trung Th đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L, cho bà Hoàng L được ly hôn ông Trần Trung Th.

- Về con chung: Cả bốn con chung của ông, bà đều đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản: Bà L và ông Th đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

- Án phí: Buộc bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị L và Trần Trung Th là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ ông, bà tự do tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T (Nay là thị xã N) vào khoảng tháng 01 năm 1980. Do thời gian đã lâu nên giấy tờ về việc đăng ký kết hôn của ông, bà đã bị mất. UBND xã H cũng không còn lưu nên không có căn cứ để xác nhận ông, bà có đăng ký kết hôn. Đến ngày 01/02/2023, bà L và ông Th đã đến UBND xã H đăng ký kết hôn lại. Như vậy tính đến thời điểm Tòa án giải quyết thì bà L và ông Th đã thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo bà L thì sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, không có tình cảm với nhau nên mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Ông Th hay chửi bới, đánh đập bà. Vì con cái bà đã chịu đựng đến nay, các con bà đã trưởng thành, có công việc và xây dựng gia đình ổn định. Nhưng ông Th không sửa chữa được vẫn thường xuyên chửi bới, đánh đập bà. Do không thể chịu đựng thêm được nữa nên từ tháng 02/2023, bà đã thuê nhà trọ để ở. Cũng từ đó bà và ông Th sống ly thân nhau hoàn toàn, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, ai lo phận người đó. Ngày 15/02/2023, bà đã làm đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với ông Th nhưng được Tòa án khuyên răn, hòa giải, bản thân ông Th xin lỗi và hứa sửa chữa nên bà đã rút đơn về. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được. Ông Th vẫn thường xuyên tìm bà để đe dọa, chửi bới nên bà không dám về nhà mà vẫn thuê nhà trọ để ở. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nguyện vọng của bà xin được ly hôn với ông Th.

Còn theo ông Th thì sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Th nghỉ việc ở nhà, còn bà L đi làm ở nhà hàng, có quan hệ bất chính nên ông chửi mắng. Ông Th khẳng định không đánh bà L mà chỉ đập phá bát đĩa, cốc chén. Do bà L bỏ đi và ở với người khác, vì thế mà ông mới theo dõi. Nhưng sau khi được Tòa án hòa giải, ông thấy sai nên đã xin lỗi nhưng bà L vẫn không về nhà. Bản thân ông thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc nhau lúc tuổi già.

Xét nguyện vọng của các đương sự HĐXX thấy rằng: Bà L và ông Th mỗi người đều có nguyện vọng riêng của mình và trái ngược quan điểm với nhau. Nhưng cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và cách giải quyết mâu thuẫn đó trong thời gian qua, nhưng vẫn không có kết quả gì. Quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải và giành thời gian để vợ chồng có điều kiện hàn gắn, nhưng cho đến trước phiên tòa hôm nay theo bà L thì vợ chồng vẫn mỗi người một nơi, vẫn không nói chuyện được với nhau. Hiện tại bà L đã đi nơi khác thuê nhà để ở, còn ông Th ở tại nhà. Trước đây Tòa án đã hòa giải bà L rút đơn về, nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, ông Th vẫn chứng nào, tật ấy không sửa chữa được nên bà L lại tiếp tục làm đơn đến Tòa đề nghị giải quyết ly hôn với ông Th. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông, bà đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Th là chính đáng.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2023 của Tòa án thì ông Lê Xuân T - là trưởng thôn Nam Yên, xã Hải Yên nơi bà L và ông Th sinh sống trước khi bà L có đơn xin ly hôn cho biết: Ông Th có bản tính gia trưởng, hay uống rượu, ghen tuông và có những lời lẽ chửi bới xúc phạm bà L. Ông Th và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã nhiều lần được các tổ chức, đoàn thể ở địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Ông Th vẫn không thay đổi, nhiều lần ông Th cũng đã xin lỗi bà L và làm giấy cam kết trước các tổ chức, đoàn thể của thôn sẽ không tái phạm cũng như hứa sẽ sửa chữa nhưng giữa vợ chồng vẫn xảy ra va chạm.

Từ những nhận định trên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Cả Bà L và ông Th đều thống nhất vợ chồng có 4 con chung là:

Trần Thị H – Sinh ngày 19/5/1983;

Trần Văn T – Sinh ngày 20/5/1985;

Trần Thị H1 – Sinh ngày 06/9/1987;

Trần Văn Tr – Sinh ngày 30/12/1988.

Các cháu đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà L và ông Th đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.
Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị L, cho bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Trần Trung Th.

- Án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2021/0012496 ngày 29/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn; Bà L đã nộp đủ án phí.**

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Th, bà L tại phiên tòa. Tuyên các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỒNG Ủ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Hạnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỒNG Ủ TỌA PHIÊN**

Mai Đức Danh

Nguyễn Văn Hải

Lê Thị Hạnh